

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-9-2019

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Quy  
Ông Dương Văn Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:** Ông Nguyễn Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2019, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn T P**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: E6/8, khu phố B 2, T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn T S**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 8, ấp 5, xã S1, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

*(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn T P trình bày:**

Tôi và anh S quen biết nhau từ năm 2007. Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, chúng tôi tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã S1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền số 01 ngày 03/02/2012.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi tôi sinh con thứ hai (tháng 12/2017) thì anh S đã bỏ mặc, không chăm sóc vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù tôi đã nhiều lần nhờ gia đình khuyên ngăn nhưng do mâu thuẫn trầm trọng nên tôi và anh S không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ ngày 12/3/2018 đến nay tôi và anh S đã sống ly thân với nhau.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với anh S, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S.

Về con chung: Tôi và anh S có 02 con chung là Nguyễn Ngọc BT – sinh ngày 03/4/2012, Nguyễn PT – sinh ngày 04/12/2017. Hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Ly hôn tôi xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn T S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông S đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T P

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T P được ly hôn với ông Nguyễn T S.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc BT, Nguyễn PT cho bà Nguyễn T P trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn T P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn T S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông S.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T P và ông Nguyễn T S tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã S1, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 03/02/2012. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn T P và ông Nguyễn T S là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà P trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi bà P sinh con thứ hai (tháng 12/2017) thì ông S đã bỏ mặc, không chăm sóc vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Từ ngày 12/3/2018 đến nay hai người đã sống ly thân với nhau. Hiện bà P không còn tình cảm gì với ông S, nên bà xin được ly hôn với ông S.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (tổ 8, ấp 5, xã S1, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà P và ông S, kết quả như sau: tình trạng hôn nhân của bà P và ông S là trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; hai người đã sống ly thân.

Bị đơn ông Nguyễn T S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông S đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông S không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà P nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T P về việc xin ly hôn với ông Nguyễn T S.

**[3.2] Về con chung:**

Bà P và ông S có 02 con chung là Nguyễn Ngọc BT – sinh ngày 03/4/2012, Nguyễn PT – sinh ngày 04/12/2017; hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con, ly hôn bà P xin được nuôi hai con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn T S không đến Tòa án tham gia tố tụng; không có ý kiến, yêu cầu gì về con chung. Từ đó cho thấy ông S không có thiện chí hòa giải về vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của bà P là có cơ sở nên chấp nhận, giao cháu T, cháu T1 cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:**

Do chưa có lời khai của ông Nguyễn T S nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[4] Về án phí:** Bà Nguyễn T P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

**[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tại phiên tòa** là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn T P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T P được ly hôn với ông Nguyễn T S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc BT – sinh ngày 03/4/2012, Nguyễn PT – sinh ngày 04/12/2017 cho bà Nguyễn T P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông Nguyễn T S không phải cấp dưỡng nuôi con; ông S có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn T P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà P đã nộp, theo Biên lai thu số 0002277 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà P phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã S1, H. ĐQ;
- Lưu.

**Phạm Ngọc Quyền**



